

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **32/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 20/9/2023

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tàn Hải Đăng.

2/ Bà Nguyễn Thị Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Quang Hưng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2023/TLST- HNGĐ ngày 13/6/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện G, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Tô Văn M, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Y, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Nguyễn Thị N) trình bày:

Chị và anh Tô Văn M cưới nhau có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh B ngày 23/11/2022. Sau khi cưới chị và nhà anh M sống chung tại thôn M, xã L, huyện G, tỉnh B. Tình cảm vợ chồng bình thường được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N với anh Tô Văn M không còn, đã sống ly thân từ khoảng tháng 02/2023 đến nay và không còn liên lạc quan tâm gì đến nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức và các quan hệ, nghĩa vụ chung khác: Chị N xác định không có tài sản chung, công nợ, công sức hay quan hệ, nghĩa vụ chung nào. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Tô Văn M) trình bày: Anh kết hôn với chị N vào ngày 23/11/2022, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh B. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp được, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Vợ chồng anh không có tài sản chung, công nợ, công sức hay quan hệ, nghĩa vụ chung nào. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn chưa chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Tô Văn M.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009195 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị N và anh Tô Văn M đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 238; khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Tô Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị N thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị N, anh M từ khi kết hôn có thời gian ngắn chung sống hoà thuận. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày nên vợ chồng sống chung chỉ trong thời gian ngắn đã ly thân. Nay chị N xin ly hôn, anh M cũng đồng ý. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh M đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị N được ly hôn anh M là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị N cần được chấp nhận.

[2].3. *Về con chung*: Chị N, anh M đều xác định vợ chồng chị N, anh M chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét trong vụ án.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: Chị N, anh M đều xác định không có liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Tô Văn M.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009195 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn